

KỸ THUẬT BIÊN DỊCH VĂN BẢN LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TỪ TIẾNG ANH SANG TIẾNG VIỆT

Phạm Thu Hằng¹, Dương Thị Thu¹
Email: phamthuhang@gmail.com, ORCID: 0009-0008-4203-3165

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 09/01/2026. Ngày phản biện đánh giá: 01/07/2026.
Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/07/2026.
DOI: 10.59266/houjs.2026.1384

Tóm tắt: *Biên dịch văn bản luật sở hữu trí tuệ từ tiếng Anh sang tiếng Việt đòi hỏi sự chính xác và tính hệ thống cao. Nghiên cứu này phân tích ba kỹ thuật biên dịch cốt lõi: thêm/bớt từ, dịch thuật ngữ chuyên ngành và chuyển đổi ngữ nghĩa (modulation), dựa trên khung lý thuyết nền tảng của Vinay và Darbelnet (1958/1995). Bằng phương pháp phân tích định tính kết hợp thống kê mô tả trên ngữ liệu 150 đơn vị trích xuất từ Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Hiệp định TRIPS, kết quả cho thấy việc lựa chọn kỹ thuật dịch phụ thuộc chặt chẽ vào đặc trưng phân hóa đối tượng và nguyên tắc cân bằng lợi ích của ngành luật này. Nghiên cứu khẳng định biên dịch pháp lý là quá trình tái cấu trúc tư duy, đòi hỏi sự kết hợp giữa năng lực ngôn ngữ và kiến thức pháp luật chuyên sâu.*

Từ khóa: *kỹ thuật biên dịch, tiếng Anh, pháp lý, sở hữu trí tuệ, văn bản luật*

I. Đặt vấn đề

Pháp luật sở hữu trí tuệ là một bộ phận đặc thù của hệ thống pháp luật, điều chỉnh các quan hệ dân sự phát sinh trong quá trình tạo lập, khai thác và bảo vệ các tài sản trí tuệ. Lĩnh vực này được đặc trưng bởi tính đa dạng, phân hóa của các đối tượng điều chỉnh - từ quyền tác giả, quyền liên quan cho đến các sáng tạo kỹ thuật và chỉ dẫn thương mại.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, đặc biệt là khi các quốc gia tham gia vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tài sản trí tuệ trở thành cốt lõi của cạnh tranh toàn cầu. Các giao dịch

xuyên biên giới liên quan đến chuyển giao công nghệ hay nhượng quyền thương mại diễn ra ngày càng phổ biến. Khi tham gia vào các giao dịch này, việc chuyển ngữ văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt đặt ra những thách thức khắt khe đối với lực lượng thực hành nghề luật cũng như các chuyên gia ngôn ngữ.

Ngôn ngữ pháp lý tự thân mang tính rập khuôn và hàm súc; khi kết hợp với tính chất kỹ thuật chuyên sâu của lĩnh vực sở hữu trí tuệ, việc dịch thuật sai cấu trúc logic hoặc lựa chọn sai thuật ngữ có thể dẫn đến sự sai lệch nghiêm trọng về nội dung pháp lý. Hậu quả của những sai lệch

¹ Trường Đại học Kiểm sát, Hà Nội, Việt Nam

này là sự phá vỡ ranh giới quyền lợi hợp pháp của các bên, tạo ra những điểm mờ trong hợp đồng và dẫn đến các tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài.

Do đó, việc nghiên cứu các kỹ thuật biên dịch văn bản luật sở hữu trí tuệ là yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu này nhằm bảo đảm bản dịch minh bạch, phản ánh đúng logic giới hạn quyền trong các quy phạm pháp luật, đồng thời đóng góp vào quá trình xây dựng hệ thống học liệu phục vụ công tác đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ pháp lý.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Đặc trưng pháp luật sở hữu trí tuệ và yêu cầu đối với ngôn ngữ pháp lý

Pháp luật sở hữu trí tuệ điều chỉnh đồng thời quan hệ tài sản và nhân thân, với sự phân hóa đối tượng điều chỉnh rõ rệt (Lâm, 2025). Học thuyết cân bằng lợi ích thiết lập ranh giới giữa quyền độc quyền của chủ thể sáng tạo và quyền tiếp cận tri thức của cộng đồng (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024). Do đó, quyền sở hữu trí tuệ không phải là quyền tuyệt đối mà bị giới hạn nghiêm ngặt bởi thời gian, không gian và nghĩa vụ pháp lý (Bùi, 2022).

Chính các đặc trưng này đòi hỏi ngôn ngữ pháp lý phải đạt tính chuẩn xác và minh định cao nhất. Các quy phạm thường được thiết kế với nhiều điều kiện tiên quyết, ngoại lệ và giới hạn nhằm kiểm soát chặt chẽ việc thực thi quyền. Sự xuất hiện dày đặc của các mệnh đề nhượng bộ, câu điều kiện và cấu trúc phủ định song hành trong văn bản gốc tiếng Anh đặt ra áp lực lớn cho quá trình chuyển ngữ.

2.2. Lý thuyết biên dịch và biên dịch pháp lý

Khoa học dịch thuật đã ghi nhận những đóng góp nền tảng từ các học giả quốc tế, tạo cơ sở cho mọi hoạt động chuyển đổi liên ngôn ngữ. Nida (1964) nhấn mạnh nguyên tắc “tương đương động” (dynamic equivalence), ưu tiên phản ứng tự nhiên của người tiếp nhận văn bản đích. Catford (1965) bổ sung góc nhìn về sự dịch chuyển (shifts) ở cấp độ phạm trù ngữ pháp, trong khi Newmark (1988) tập trung vào chức năng giao tiếp và phân chia dịch thuật thành dịch ngữ nghĩa (semantic translation) và dịch giao tiếp (communicative translation). Riêng về kỹ thuật thao tác, khung phân tích của Vinay và Darbelnet (1958/1995) được xem là cơ sở cốt lõi. Hai học giả này đề xuất các kỹ thuật can thiệp như thêm/bớt từ (amplification/economy) và điều biến (modulation) để xử lý các bất đồng cấu trúc không thể giải quyết bằng phương pháp dịch trực tiếp.

Định vị trong nhánh biên dịch pháp lý, Šarčević (1997) và Cao (2007) đã thay đổi hoàn toàn tư duy truyền thống khi khẳng định mục tiêu tối thượng không phải là sự tương đương hình thức (formal equivalence) mà là sự tương đương về hiệu ứng pháp lý (legal equivalence). Văn bản luật tạo ra các quyền và nghĩa vụ ràng buộc; do đó, người dịch không chỉ chuyển đổi bề mặt ngôn từ mà phải thực hiện quá trình tái cấu trúc tư duy pháp lý, bảo đảm văn bản đích có cùng sức mạnh cưỡng chế như văn bản nguồn, đặc biệt là khi dịch chuyển giữa hai hệ thống Thông luật (Common Law) và Dân luật (Civil Law).

2.3. Tổng quan và khoảng trống nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây về kỹ thuật dịch Anh - Việt chủ yếu khảo sát ở các thể loại văn bản thương mại đại cương hoặc văn chương. Nghiên cứu của Nguyễn và Nguyễn (2025) hay Lê và Lại (2024) đã tiếp cận dịch thuật dưới góc độ ngôn ngữ học đối chiếu và ứng dụng sự phạm. Một số nghiên cứu khác có đề cập đến dịch thuật pháp lý nhưng thường dừng lại ở cấp độ từ vựng đại cương.

Tuy nhiên, mảng văn bản luật sở hữu trí tuệ - thể loại mang tính kỹ thuật cao và chứa đựng nhiều cấu trúc giới hạn quyền đặc thù - vẫn chưa được phân tích một cách hệ thống. Việc áp dụng cơ học các lý thuyết dịch thuật phổ quát vào mảng luật này dễ dẫn đến sai sót. Nghiên cứu này kế thừa khung lý thuyết của Vinay và Darbelnet (1958/1995), kết hợp với quan điểm tương đương pháp lý của Šarčević (1997) để lấp đầy khoảng trống đó, luận giải cơ chế áp dụng kỹ thuật dịch nhằm bảo đảm tính minh bạch và sức mạnh pháp lý của bản dịch.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp thống kê mô tả nhằm đối chiếu cấu trúc ngữ nghĩa và văn phong giữa tiếng Anh pháp lý và tiếng Việt pháp lý.

Để bảo đảm độ tin cậy và tính đại diện, nguồn ngữ liệu phân tích được trích xuất từ hai văn bản chuẩn mực: (1) *Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam* (2005, sửa đổi, bổ sung 2022) do Quốc hội ban hành và bản dịch tiếng Anh chính thức do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) công bố; (2) *Hiệp định về các khía cạnh*

liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS, 1994) do Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thông qua và bản dịch tiếng Việt chính thức của Bộ Công Thương. Đây là các văn bản pháp lý mẫu mực, đã được chuẩn hóa bởi các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức quốc tế.

Trong số hàng chục kỹ thuật dịch thuật hiện có, nghiên cứu chỉ tập trung vào ba kỹ thuật cốt lõi: thêm/bớt từ (addition/omission), dịch thuật ngữ chuyên ngành (specialized terminology translation), và chuyển đổi ngữ nghĩa (modulation). Lý do lựa chọn ba kỹ thuật này xuất phát từ bản chất của tiếng Anh pháp lý (đặc trưng bởi tính hàm súc, thể bị động, và hệ thống thuật ngữ “khóa nghĩa”) so với tiếng Việt pháp lý (đặc trưng bởi tính minh bạch, thể chủ động). Đây là ba công cụ duy nhất giải quyết triệt để sự đứt gãy về cấu trúc câu, nghĩa của từ và tư duy luật pháp giữa hai hệ thống.

Bài viết đã tiến hành sàng lọc, trích xuất 150 đơn vị ngữ liệu (bao gồm các câu, mệnh đề, cụm từ có chứa các hiện tượng chuyển ngữ đáng chú ý) từ hai nguồn trên. Các đơn vị này được phân loại dựa trên kỹ thuật dịch chủ đạo được áp dụng để đưa ra các đối sánh định lượng và luận giải định tính.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Thông qua việc phân tích và bóc tách 150 đơn vị ngữ liệu được trích xuất từ Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Hiệp định TRIPS, nghiên cứu đã thống kê tần suất áp dụng các kỹ thuật biên dịch như trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê tần suất áp dụng các kỹ thuật biên dịch trong ngữ liệu khảo sát

STT	Phạm trù kỹ thuật biên dịch	Số lượng (đơn vị)	Tỷ lệ (%)
1	Thêm từ và bớt từ	54	36
2	Dịch thuật ngữ chuyên ngành pháp lý	48	32
3	Chuyển đổi ngữ nghĩa (Modulation)	33	22
4	Các kỹ thuật khác	15	10
Tổng		150	100

Phân tích dữ liệu từ Bảng 1 cho thấy việc điều chỉnh cấu trúc và ngữ nghĩa (chiếm tổng cộng 90%) là hoạt động chủ đạo, phản ánh đúng bản chất phức tạp của biên dịch pháp lý sở hữu trí tuệ. Các phân tích dưới đây sẽ luận giải chi tiết cơ chế hoạt động của từng kỹ thuật trong mối tương quan với các nghiên cứu trước đây.

4.1. Kỹ thuật thêm từ và bớt từ

Số liệu Bảng 1 cho thấy kỹ thuật thêm và bớt từ (addition and omission) chiếm tỷ trọng cao nhất (36%). Kết quả này hoàn toàn tương đồng với nhận định của Cao (2007) về sự cần thiết phải can thiệp vào bề mặt cấu trúc để tạo ra tính tường minh trong văn bản đích, lấp đầy các khoảng trống văn hóa pháp lý.

Kỹ thuật bớt từ (omission) thường được áp dụng nhằm loại bỏ các thành tố ngôn ngữ mang tính hình thức hoặc các cụm từ lặp (doublets) đặc trưng của Common Law. Ví dụ, cụm “*null and void*” thường xuất hiện trong các điều khoản hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ, được dịch giả cô đọng lại thành “*vô hiệu*”. Hoặc đối với cấu trúc rút gọn mệnh đề quan hệ: khoản 2 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ định nghĩa quyền tác giả là “*quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu*”. Khi biên dịch sang tiếng Anh, WIPO đã sử dụng cấu trúc

rút gọn: “*Copyrights are the rights of organizations, individuals to works created or owned by them*”. Việc chủ động bớt đi các đại từ quan hệ (như *which are*) giúp câu văn trở nên súc tích, phản ánh đúng lối hành văn dứt khoát của ngôn ngữ đích mà không làm suy giảm hiệu lực điều chỉnh.

Ngược lại, kỹ thuật thêm từ (addition) được sử dụng nhằm minh thị hóa chức năng của quy phạm bị ẩn giấu trong ngôn ngữ nguồn. Sự cô đọng quá mức của văn bản đôi khi tạo ra những khe hở diễn giải. Điều 169 Luật Sở hữu trí tuệ quy định: “*Bằng bảo hộ giống cây trồng có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết hai mươi lăm năm...*”. Bản dịch tiếng Anh thể hiện sự chặt chẽ tuyệt đối: “*The plant variety protection certificate will take effect from the date of the grant of rights for a period of 25 years...*”. Việc bổ sung cụm “*the grant of rights*” ngay sau mốc thời gian giúp làm rõ bản chất pháp lý sâu xa của khái niệm “ngày cấp” - đó là thời điểm xác lập quyền độc quyền. Thao tác này lấp kín các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình diễn giải luật, bảo đảm nguyên tắc giới hạn quyền.

4.2. Kỹ thuật dịch thuật ngữ chuyên ngành pháp lý

Đứng thứ hai về mức độ sử dụng (32%), việc dịch thuật ngữ chuyên ngành (terminology) đòi hỏi độ chính xác và tính

kỷ luật tuyệt đối. Khác với văn bản văn chương, văn bản pháp luật mang tính cố định (rigid); do đó, người dịch không thể áp dụng sự linh hoạt của ngữ cảnh thông thường để phỏng đoán nghĩa mà phải tuân thủ nghiêm ngặt sự định danh đã được hệ thống luật pháp quy định.

Vấn đề này xuất phát từ hiện tượng cốt lõi mà Mellinkoff (1963) từng chỉ ra: diễn ngôn pháp lý thường sử dụng “những từ ngữ phổ thông với ý nghĩa không phổ thông”. Nghĩa là, nhiều từ ngữ quen thuộc bị tước đi lớp nghĩa thông dụng trong đời sống để khoác lên một khái niệm chuyên môn hẹp hơn. Điển hình, từ “*work*” được hiểu là “công việc” hay “sức lao động”, nhưng trong bối cảnh luật sở hữu trí tuệ, nó bắt buộc phải dịch là “*tác phẩm*” - đối tượng cốt lõi của quyền tác giả. Tương tự, “*trademark*” phải được chuẩn hóa thành định chế “*nhãn hiệu*”; “*novelty*” phải được dịch là “*tính mới*” - một tiêu chí pháp lý khắt khe để đánh giá khả năng bảo hộ sáng chế. Từ “*assignment*” không mang nghĩa là “bài tập” mà là định chế “*chuyển nhượng quyền sở hữu*”. Sự lựa chọn nghĩa hẹp này là nguyên tắc bắt di bất dịch, hay còn gọi là “thuật ngữ bị khóa nghĩa” (locked-meaning term).

Bên cạnh đó, dịch thuật ngữ chuyên ngành còn thể hiện ở tư duy dịch bao quát chủ thể. Trong các văn kiện quốc tế bằng tiếng Anh, từ “*person*” được sử dụng như một thuật ngữ pháp lý bao hàm cả thể nhân (natural person) và pháp nhân (legal person). Khi chuyển ngữ sang tiếng Việt, việc sử dụng cụm “*tổ chức, cá nhân*” là thao tác bắt buộc để bảo đảm không bỏ sót đối tượng áp dụng luật. Việc bảo đảm tính nhất quán

của các thuật ngữ chuyên ngành xuyên suốt toàn bộ văn bản là yếu tố quyết định sự thành bại của bản dịch.

4.3. Kỹ thuật chuyển đổi ngữ nghĩa (Modulation)

Chuyển đổi ngữ nghĩa (modulation) chiếm 22% tổng số các trường hợp được khảo sát. Dưới góc độ lý thuyết, Vinay và Darbelnet (1958/1995) định nghĩa điều biến (modulation) là kỹ thuật thay đổi dạng thức, cách diễn đạt (thay đổi điểm nhìn) mà vẫn bảo toàn tuyệt đối ngữ nghĩa gốc của thông điệp. Trong pháp luật sở hữu trí tuệ, kỹ thuật này là công cụ sắc bén nhất để dung hòa sự khác biệt tư duy giữa hai nền tư pháp.

Biểu hiện nổi bật nhất của modulation là sự chuyển đổi qua lại giữa thể bị động và chủ động. Tiếng Anh pháp lý đặc biệt chuộng câu bị động (*The patent shall be granted...*) nhằm tạo sắc thái khách quan, phi cá nhân hóa. Trái lại, tiếng Việt pháp lý ưu tiên câu chủ động (*Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cấp Bằng độc quyền sáng chế...*) nhằm xác định rõ trách nhiệm pháp lý và thẩm quyền của từng chủ thể. Sự hoán đổi điểm nhìn này phản ánh rõ nét nỗ lực tái cấu trúc tư duy của người dịch.

Đồng thời, sự chuyển đổi giữa cấu trúc khẳng định và phủ định cũng diễn ra với tần suất cao. Tiếng Anh thường sử dụng các cấu trúc như “*neither... nor*” hay “*fail to*” để vạch ra các hành vi bị cấm. Khi dịch sang tiếng Việt, việc lạm dụng từ “không” sẽ tạo ra lối diễn đạt lủng củng. Do đó, người dịch thường điều biến sang cấu trúc khẳng định có nghĩa tương đương, ví dụ “*fail to fulfill*” chuyển thành “*vi phạm*” hoặc “*bỏ lỡ*”.

Đặc biệt, cấu trúc “phủ định kết hợp ngoại lệ” (*shall not... except / unless*) là một đặc trưng kinh điển của văn bản pháp lý quốc tế như Hiệp định TRIPS. Quy định này thiết lập một nguyên tắc cấm đoán tuyệt đối, sau đó mới liệt kê các cánh cửa ngoại lệ. Nó phản ánh tư duy quản trị rủi ro và kiểm soát chặt chẽ, cực kỳ phù hợp với bản chất của quyền độc quyền. Việc linh hoạt điều biến cấu trúc này (chuyển đổi từ “không... trừ khi” sang “chỉ được... khi”) giúp văn bản tiếng Việt duy trì được sức mạnh cưỡng chế mà vẫn bảo đảm sự tự nhiên. Kết quả này củng cố vững chắc quan điểm của Šarčević (1997) về việc ưu tiên cấu trúc tự nhiên của ngôn ngữ đích nhằm bảo đảm hiệu lực điều chỉnh của pháp luật.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu khẳng định biên dịch văn bản luật sở hữu trí tuệ từ tiếng Anh sang tiếng Việt không đơn thuần là hoạt động chuyển đổi lớp vỏ ngôn ngữ, mà là một quá trình tái cấu trúc tư duy phức tạp. Dựa trên số liệu khảo sát, các kỹ thuật thêm/bớt từ, dịch thuật ngữ chuyên ngành và chuyển đổi ngữ nghĩa đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết triệt để sự đứt gãy về cấu trúc và dung hòa sự bất đồng giữa hệ thống Thông luật và Dân luật. Để bảo đảm tính minh bạch, tính hệ thống và sự tương đương pháp lý, người dịch bắt buộc phải kết hợp nhuần nhuyễn năng lực điều phối ngôn ngữ với sự am tường chuyên sâu về luật sở hữu trí tuệ.

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hội nhập toàn cầu, bài viết đề xuất một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật và kiểm sát cần chủ động đầu tư, cập nhật hệ thống từ điển thuật ngữ đối chiếu chuyên ngành sở hữu trí tuệ, lấy các văn bản luật thực định và Điều ước quốc tế làm hệ quy chiếu chuẩn hóa, tránh tình trạng sinh viên chuyên ngữ tự phát dựa trên từ điển đại cương.

Thứ hai, trong công tác thiết kế chương trình học, cần tích hợp việc rèn luyện chiến lược biên dịch với việc phát triển toàn diện kỹ năng viết tiếng Anh pháp lý (legal English writing skills). Việc đưa sinh viên chuyên ngành luật, kiểm sát cọ xát trực tiếp với việc phân tích, bóc tách các cấu trúc ngoại lệ và giới hạn quyền trong các văn bản thực tiễn sẽ giúp hình thành tư duy ngôn ngữ - pháp lý sắc bén. Đây là nền tảng cốt lõi để nâng cao trình độ ngoại ngữ chuyên ngành, đáp ứng trực tiếp nhu cầu giải quyết các vụ việc dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài.

Thứ ba, xu hướng ứng dụng các phương thức giảng dạy kết hợp (blended learning) cần được đẩy mạnh. Phương thức giáo dục hiện đại này giúp tối ưu hóa việc tiếp cận các nguồn học liệu pháp lý quốc tế xác thực trên không gian số, đồng thời gia tăng tính tự chủ cho sinh viên trong việc nghiên cứu và trau dồi các chiến lược dịch thuật phức tạp (Lê & Lại, 2024).

Tài liệu tham khảo

- Bùi, T. H. N. (2022). Pháp luật cạnh tranh và thực thi quyền sở hữu trí tuệ: Một số vấn đề cần quan tâm. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 64(3), 19-22. <http://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/81715>
- Cao, D. (2007). *Translating law*. Multilingual Matters.
- Catford, J. C. (1965). *A linguistic theory of translation*. Oxford University Press.

- Lâm, X. H. (2025). Pháp luật về sở hữu trí tuệ trong kỷ nguyên mới. *Tạp chí Việt Nam hội nhập*, 371, 23-29. <https://doi.org/10.62829/VNHN.371.23.29>
- Lê, T. M. T., & Lại, M. T. (2024). Benefits and challenges of blended learning implementation: Perspectives from Vietnamese EFL students. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 16(2), 55-65. <https://doi.org/10.64233/PJPP5359>
- Mellinkoff, D. (1963). *The language of the law*. Little, Brown and Company.
- Newmark, P. (1988). *A textbook of translation*. Prentice-Hall International.
- Nguyễn, T. T., & Nguyễn, T. H. H. (2025). Phân tích trường nghĩa trong bản dịch Việt - Anh một tác phẩm văn học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 130, 18-24. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.649>
- Nida, E. A. (1964). *Toward a science of translating*. E. J. Brill. <https://doi.org/10.1163/9789004495746>
- Šarčević, S. (1997). *New approach to legal translation*. Kluwer Law International.
- Trường Đại học Luật Hà Nội. (2024). *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*. Nhà xuất bản Tư pháp.
- Vinay, J. P., & Darbelnet, J. (1995). *Comparative stylistics of French and English: A methodology for translation* (J. C. Sager & M.-J. Hamel, Trans.). John Benjamins. (Original work published 1958).

ENGLISH-VIETNAMESE TRANSLATION TECHNIQUES FOR INTELLECTUAL PROPERTY LEGAL TEXTS

Pham Thu Hang¹, Duong Thi Thu¹

Abstract: *Translating intellectual property legal texts from English to Vietnamese demands high accuracy and systematic coherence. This study analyzes three core translation techniques: addition/omission, specialized terminology translation, and modulation, based on Vinay and Darbelnet's (1958/1995) framework. Using qualitative analysis and descriptive statistics on 150 units extracted from the Vietnamese Intellectual Property Law and the TRIPS Agreement, the findings indicate that the selection of translation techniques strictly depends on the diversity of protected subjects and the principle of balancing interests. The study affirms that legal translation entails reconstructing legal reasoning and requires a combination of linguistic proficiency and specialized legal knowledge.*

Keywords: *translation techniques, English, legal, intellectual property, legal texts*

¹ Hanoi Procuratorate University, Hanoi, Vietnam